

KẾ HOẠCH
Các khoản tiền thu trong năm học 2024-2025

- Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức đóng học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025;
- Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ NH 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn TPHCM;
- Căn cứ hướng dẫn số 5381/HD-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn giảm, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ NH 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện Hóc Môn.

STT	NỘI DUNG THU	Đơn vị tính	Lớp Nhà Trẻ	Lớp Mầm	Lớp Chồi	Lớp Lá
			Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
I	Học phí	đồng/học sinh/tháng	120.000	100.000	100.000	Được miễn
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục					
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú	đồng/học sinh/tháng	170.000	170.000	170.000	170.000
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	80.000	80.000	80.000	80.000
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ : Học hè	đồng/học sinh/tuần	170.000	170.000	170.000	170.000
4	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	30.000	30.000	30.000	30.000
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác					
	Tiền tổ chức lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, bơi					
1	Anh văn mầm non	đồng/học sinh/tháng		80.000	80.000	80.000
2	Thẻ dục mầm non	đồng/học sinh/tháng		69.000	69.000	69.000
3	Học vẽ mầm non	đồng/học sinh/tháng		50.000	50.000	50.000
IV	Các khoản thu cho cá nhân học sinh					
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	230.000	230.000	230.000	230.000
2	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu					

Viết tường trình báo cáo đến Ủy Ban mẹ học sinh về các khoản thu trên.

2.1	Học phẩm	đồng\học sinh\năm	20.000	20.000	20.000	20.000
2.2	Học cụ, học liệu	đồng\học sinh\năm	63.000	112.000	161.000	166.000
3	Tiến suất ăn trưa bán trú	đồng\học sinh\ngày	32.000	32.000	32.000	32.000
4	Tiến suất ăn sáng	đồng\học sinh\ngày	9.000	9.000	9.000	9.000
5	Tiến nước uống	đồng\học sinh\tháng	10.000	10.000	10.000	10.000

Ngày 10/10/2023
Trưởng Ban Phụ Huynh
Trần Văn Hùng